

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - CTCK)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - CTCK)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - CTCK)	9
Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (Mẫu số B 05 - CTCK)	10
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - CTCK)	11



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

#### Giấy phép thành lập và hoạt động

68/UBCK-GP ngày 6 tháng 11 năm 2007  
276/UBCK-GP ngày 6 tháng 11 năm 2009  
96/GPĐC-UBCK ngày 25 tháng 6 năm 2012  
122/GPĐC-UBCK ngày 8 tháng 11 năm 2012  
117/GPĐC-UBCK ngày 18 tháng 12 năm 2012

Giấy phép thành lập và hoạt động do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp.

#### Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thanh Phương	Chủ tịch
Ông Tô Hải	Thành viên
Ông Huỳnh Richard Lê Minh	Thành viên
Ông Trần Quyết Thắng	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Bảo	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Bảo	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Tô Hải	Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Richard Lê Minh	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 01/02/2013)
Ông Nguyễn Quang Bảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Quang Hoàn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/02/2013)

#### Người đại diện theo pháp luật

Ông Tô Hải	Tổng Giám đốc
------------	---------------

#### Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bản Việt ("Công ty") là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

#### Trụ sở chính

Tầng 15, Tháp Tài Chính Bitexco  
Số 02 Hải Triều, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

#### Kiểm toán viên

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt ("Công ty") chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với sự chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai phạm khác.

### PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 40. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Tô Hải  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 22 tháng 3 năm 2013



## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bản Việt ("Công ty") được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 22 tháng 3 năm 2013. Các báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 40.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với các báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để các báo cáo tài chính không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính có sai sót trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro sai phạm trọng yếu của các báo cáo tài chính do gian lận hoặc sai sót. Khi đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc đơn vị soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.



## Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam.



Ian S. Lydall  
Số chứng chỉ KTV: N.0559/KTV  
Chủ tịch

Nguyễn Hoàng Nam  
Số chứng chỉ KTV: 0849/KTV

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)  
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Báo cáo kiểm toán số HCM3464  
Ngày 22 tháng 3 năm 2013

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2012 VNĐ	2011 VNĐ
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.782.358.677.996</b>	<b>1.795.452.129.469</b>
<b>110</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>384.182.039.345</b>	<b>111.616.718.751</b>
111	Tiền		359.354.944.415	41.216.718.751
112	Các khoản tương đương tiền		24.827.094.930	70.400.000.000
<b>120</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5(a)</b>	<b>987.882.067.624</b>	<b>1.059.922.610.501</b>
121	Đầu tư ngắn hạn		1.083.468.111.724	1.198.873.031.011
129	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(95.586.044.100)	(138.950.420.510)
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>403.845.280.559</b>	<b>614.818.783.909</b>
131	Phải thu khách hàng	6	302.648.580.275	283.486.148.968
132	Trả trước cho người bán		452.145.357	1.123.789.910
135	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		1.079.464.225	190.383.037
138	Các khoản phải thu khác	7	99.665.090.702	330.018.461.994
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>		<b>11.885.000</b>	<b>12.320.284</b>
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>6.437.405.468</b>	<b>9.081.696.024</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8	1.092.992.843	2.471.980.037
158	Tài sản ngắn hạn khác	9	5.344.412.625	6.609.715.987
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>522.848.594.312</b>	<b>622.201.775.573</b>
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>15.514.613.719</b>	<b>7.612.776.214</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	6.935.664.961	4.492.090.431
222	Nguyên giá		24.172.989.015	23.857.196.448
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(17.237.324.054)	(19.365.106.017)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	492.349.031	3.120.685.783
228	Nguyên giá		14.953.336.815	14.669.694.425
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(14.460.987.784)	(11.549.008.642)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10(c)	8.086.599.727	-
<b>250</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>5(b)</b>	<b>500.000.000.000</b>	<b>606.244.925.000</b>
253	Đầu tư chứng khoán dài hạn		-	11.604.400.000
254	Đầu tư chứng khoán sẵn sàng để bán		-	11.604.400.000
258	Đầu tư dài hạn khác		500.000.000.000	594.640.525.000
259	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-	-
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>7.333.980.593</b>	<b>8.344.074.359</b>
263	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	11	4.019.202.548	2.919.239.269
268	Tài sản dài hạn khác	12	3.314.778.045	5.424.835.090
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>2.305.207.272.308</b>	<b>2.417.653.905.042</b>

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 40 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2012 VNĐ	2011 VNĐ
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.797.756.014.316</b>	<b>1.955.863.491.667</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.297.756.014.316</b>	<b>1.455.431.516.667</b>
311	Vay ngắn hạn	13	299.000.000.000	582.426.780.000
312	Phải trả người bán	14	96.499.510.634	221.681.817.543
313	Người mua trả tiền trước	15	307.703.452.919	121.749.992.655
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	5.405.531.670	5.607.809.402
315	Phải trả người lao động		10.500.000.000	5.688.415.262
316	Chi phí phải trả	17	35.428.915.181	56.183.873.528
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	79.250.225.601	429.469.263.916
320	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	19	460.418.162.875	30.629.540.905
321	Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		3.527.966.980	471.775.000
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	22.248.456	1.522.248.456
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>500.000.000.000</b>	<b>500.431.975.000</b>
334	Vay và nợ dài hạn	13	500.000.000.000	500.000.000.000
336	Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	431.975.000
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>507.451.257.992</b>	<b>461.790.413.375</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>507.451.257.992</b>	<b>461.790.413.375</b>
411	Vốn cổ phần	21	398.400.000.000	378.000.000.000
417	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		11.048.498.479	8.700.456.248
418	Quỹ dự phòng tài chính		11.048.498.479	8.700.456.248
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		86.954.261.034	66.389.500.879
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.305.207.272.308</b>	<b>2.417.653.905.042</b>

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 40 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 (tiếp theo)

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chi tiêu	Mệnh giá tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2012 VNĐ	2011 VNĐ
<b>6. Chứng khoán lưu ký</b>	<b>006 8.831.798.370.000</b>	<b>7.076.053.520.000</b>
Trong đó:		
6.1. Chứng khoán giao dịch	007 6.908.842.130.000	5.935.718.010.000
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009 6.793.096.650.000	5.901.256.730.000
6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010 115.745.480.000	34.461.280.000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012 676.740.540.000	310.931.090.000
6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014 676.740.540.000	310.931.090.000
6.3. Chứng khoán cầm cố	017 1.077.677.540.000	780.304.200.000
6.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019 1.077.677.540.000	780.304.200.000
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027 167.473.500.000	40.164.000.000
6.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028 40.100.000	-
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029 166.873.400.000	40.163.000.000
6.5.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030 560.000.000	1.000.000
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	037 1.064.660.000	8.936.220.000
6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039 1.064.660.000	8.936.220.000
<b>7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết</b>	<b>050 60.071.770.000</b>	<b>25.922.690.000</b>
Trong đó:		
7.1. Chứng khoán giao dịch	051 60.071.770.000	25.922.690.000
7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053 52.390.890.000	25.032.340.000
7.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054 7.680.880.000	890.350.000

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ là 11.032 Đô-la Mỹ và 20.004 Euro (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 2.722 Đô-la Mỹ).



Đoàn Minh Thiện  
Kế toán trưởng



Tô Hải  
Tổng Giám đốc  
Ngày 22 tháng 3 năm 2013

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12	
		2012 VNĐ	2011 VNĐ
<b>1</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>428.321.526.196</b>	<b>463.753.810.568</b>
	<i>Trong đó:</i>		
1.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	84.080.032.879	62.952.545.148
1.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	23 153.526.848.022	200.856.196.514
1.4	Doanh thu từ hoạt động phát hành chứng khoán	22.000.000.000	-
1.5	Doanh thu hoạt động tư vấn	20.129.120.088	34.540.006.726
1.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán	3.182.059.114	4.147.000.733
1.7	Doanh thu từ hoạt động ủy thác	128.862.085	
1.9	Doanh thu khác	24 145.274.604.008	161.258.061.447
<b>2</b>	<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>10</b>	<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>428.321.526.196</b>	<b>463.753.810.568</b>
<b>11</b>	<b>Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>25 (326.178.838.634)</b>	<b>(391.934.027.821)</b>
<b>20</b>	<b>Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>	<b>102.142.687.562</b>	<b>71.819.782.747</b>
<b>25</b>	<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>26 (39.878.205.473)</b>	<b>(39.351.580.327)</b>
<b>30</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>62.264.482.089</b>	<b>32.468.202.420</b>
31	Thu nhập khác	1.642.917.636	33.325.000
32	Chi phí khác	6.786.042	-
<b>40</b>	<b>Thu nhập khác – số thuần</b>	<b>1.636.131.594</b>	<b>33.325.000</b>
<b>50</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>63.900.613.683</b>	<b>32.501.527.420</b>
<b>51</b>	<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>27 (16.939.769.066)</b>	<b>(7.534.973.683)</b>
<b>52</b>	<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>60</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>46.960.844.617</b>	<b>24.966.553.737</b>



Đoàn Minh Thiện  
Kế toán trưởng



Tô Hải  
Tổng Giám đốc  
Ngày 22 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 40 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12	
		2012 VNĐ	2011 VNĐ
<b>I</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
01	Lợi nhuận trước thuế	63.900.613.683	32.501.527.420
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	5.894.888.280	8.007.836.758
03	Các khoản dự phòng	(43.364.376.410)	109.075.662.980
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(3.096.068.012)	(237.535.351.496)
06	Chi phí lãi vay	132.803.177.799	135.442.068.650
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	156.138.235.341	47.491.744.312
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu, chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và tài sản ngắn hạn khác	(263.117.269.641)	148.895.236.278
10	Giảm/(tăng) các khoản hàng tồn kho	435.284	(12.320.284)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	240.392.432.315	(198.500.464.373)
12	Giảm các chi phí trả trước	1.378.987.194	1.148.531.562
13	Tiền lãi vay đã trả	(154.256.040.057)	(85.628.126.221)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(17.302.197.674)	(9.067.267.080)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	4.363.740.000	-
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(2.253.682.955)	(3.431.292.321)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(34.655.360.194)	(99.103.958.127)
<b>II</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(13.797.235.827)	(2.820.894.490)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(45.000.000.000)	(1.195.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay	490.000.000.000	250.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(102.953.900.000)	(36.870.745.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	111.939.834.054	215.763.899.200
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	151.042.032.561	97.615.618.962
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	591.230.730.788	(671.312.121.328)
<b>III</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	1.191.594.651.642	1.944.102.280.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(1.475.021.431.642)	(1.143.737.300.000)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(583.270.000)	(18.686.750.000)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(284.010.050.000)	781.678.230.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	272.565.320.594	11.262.150.545
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	111.616.718.751	100.354.568.206
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	384.182.039.345	111.616.718.751



Đoàn Minh Thiện  
Kế toán trưởng



Tô Hải  
Tổng Giám đốc  
Ngày 22 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 40 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT**  
**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Mẫu số B 05 - CTCK

	Vốn cổ phần VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011</b>	<b>378.000.000.000</b>	<b>7.452.128.561</b>	<b>7.452.128.561</b>	<b>62.634.150.942</b>	<b>455.538.408.064</b>
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	24.966.553.737	24.966.553.737
- Trích lập quỹ trong năm	-	1.248.327.687	1.248.327.687	(2.496.655.374)	(18.900.000.000)
- Chi trả cổ tức	-	-	-	1.985.451.574	1.985.451.574
- Hoàn nhập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.800.000.000)	(1.800.000.000)
- Trích lập quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011</b>	<b>378.000.000.000</b>	<b>8.700.456.248</b>	<b>8.700.456.248</b>	<b>66.389.500.879</b>	<b>461.790.413.375</b>
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	46.960.844.617	46.960.844.617
- Trích lập quỹ trong năm (*)	-	2.348.042.231	2.348.042.231	(4.696.084.462)	(18.900.000.000)
- Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu (**)	18.900.000.000	-	-	-	-
- Tăng vốn từ quỹ phúc lợi (***)	1.500.000.000	-	-	-	1.500.000.000
- Trích lập quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị	-	-	-	(2.800.000.000)	(2.800.000.000)
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>	<b>398.400.000.000</b>	<b>11.048.498.479</b>	<b>11.048.498.479</b>	<b>86.954.261.034</b>	<b>507.451.257.992</b>

(\*) Theo Thông tư 11/2000/TT-BTC ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000, Công ty phải trích lập các quỹ sau:

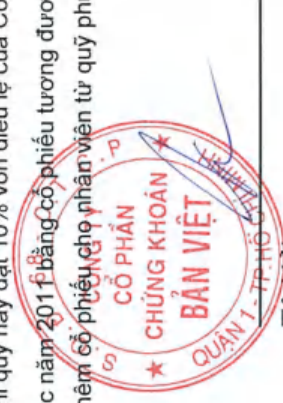
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn : trích 5% lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mỗi năm cho đến khi quỹ này đạt 10% vốn điều lệ của Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính: trích 5% lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mỗi năm cho đến khi quỹ này đạt 10% vốn điều lệ của Công ty.

(\*\*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 20 tháng 4 năm 2012, Công ty đã chi trả cổ tức năm 2011 bằng cổ phiếu tương đương 5% vốn điều lệ (Thuyết minh 32).

(\*\*\*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 20 tháng 4 năm 2012, Công ty đã phát hành thêm cổ phiếu cho thành viên từ quỹ phúc lợi (Thuyết minh 20,32).



Đoàn Minh Thiện  
Kế toán trưởng



Tô Hải  
Tổng Giám đốc  
Ngày 22 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 40 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bản Việt ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 68/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 6 tháng 11 năm 2007, điều chỉnh lần 1 theo Giấy phép điều chỉnh số 276/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 6 tháng 11 năm 2009, điều chỉnh lần 2 theo Giấy phép điều chỉnh số 96/GPĐC-UBCK ngày 25 tháng 6 năm 2012, điều chỉnh lần 3 theo Giấy phép điều chỉnh số 122/GPĐC-UBCK ngày 8 tháng 11 năm 2012 và điều chỉnh lần 4 theo 117/GPĐC-UBCK ngày 18 tháng 12 năm 2012.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có 118 nhân viên (2011: 114 nhân viên).

**2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính**

Các báo cáo tài chính đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Báo cáo tài chính được soạn thảo dựa nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam ("VND").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được qui đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc qui đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2.4 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**2.6 Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Phân loại**

Công ty phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Công ty phân loại các khoản cho vay, hợp đồng hỗ trợ tài chính, hợp đồng hợp tác đầu tư có kỳ hạn gốc dưới 12 tháng, hợp đồng giao dịch ký quỹ, các khoản tạm ứng giao dịch chứng khoán và các chứng khoán được mua rồi bán lại theo hợp đồng là các khoản đầu tư ngắn hạn.

Chứng khoán sẵn sàng để bán là các chứng khoán được giữ trong thời gian không ấn định trước, có thể được bán để đáp ứng nhu cầu thanh khoản hoặc để ứng phó với trường hợp thay đổi lãi suất, tỉ giá, hoặc giá trị chứng khoán.

Đầu tư dài hạn cho mục đích đầu tư chiến lược là các khoản khoản đầu tư với tỉ lệ thấp hơn 15% (đối với tổ chức chưa niêm yết) hoặc 20% (đối với tổ chức niêm yết) phần vốn của các tổ chức kinh tế mà Công ty là cổ đông sáng lập, hoặc đối tác chiến lược, hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình thành lập, quyết định của chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua văn bản thỏa thuận của nhân sự tham gia Hội đồng quản trị hoặc Ban điều hành.

Công ty phân loại các hợp đồng hỗ trợ tài chính và các hợp đồng hợp tác đầu tư có kỳ hạn trên 12 tháng là các khoản đầu tư dài hạn khác.

**(b) Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận**

Việc mua và bán các khoản đầu tư được ghi nhận theo ngày thực hiện giao dịch - là tại ngày Công ty ký kết hợp đồng mua hoặc bán khoản đầu tư đó. Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các khoản đầu tư đã hết hạn hoặc về bản chất Công ty đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu các khoản đầu tư đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**2.6 Các khoản đầu tư tài chính**

**(c) Đánh giá**

Chứng khoán kinh doanh đã niêm yết được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối cùng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và giá bình quân của ngày giao dịch cuối cùng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Chứng khoán kinh doanh chưa niêm yết được tự do mua bán trên thị trường được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giá giao dịch bình quân do ba công ty chứng khoán độc lập cung cấp.

Các khoản cho vay, giao dịch ký quỹ, tạm ứng giao dịch chứng khoán, hỗ trợ tài chính ngắn hạn và hợp tác đầu tư ngắn hạn được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi dự phòng nợ khó đòi, nếu có. Dự phòng nợ khó đòi được lập khi có sự suy giảm về giá trị có thể thu hồi của các khoản cho vay, hợp đồng giao dịch ký quỹ và các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với các giao dịch chứng khoán.

Chứng khoán sẵn sàng để bán ban đầu được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc). Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán. Dự phòng được lập cho các chứng khoán sẵn sàng để bán được tự do mua bán trên thị trường và khi có sự suy giảm giá trị của các chứng khoán sẵn sàng để bán này. Phương pháp xác định dự phòng giảm giá cho chứng khoán sẵn sàng để bán tương tự như chứng khoán kinh doanh.

Đầu tư dài hạn cho mục đích đầu tư chiến lược ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán. Dự phòng được lập cho các khoản đầu tư dài hạn này khi các tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ trừ trường hợp các công ty bị lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

Các khoản cho vay dài hạn khác, hỗ trợ tài chính dài hạn và hợp đồng hợp tác đầu tư dài hạn được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi dự phòng nợ khó đòi, nếu có. Dự phòng nợ khó đòi được lập khi có sự suy giảm về giá trị có thể thu hồi của các khoản cho vay và số tiền giải ngân cho hợp đồng hợp tác đầu tư, hỗ trợ tài chính.

**(d) Hợp đồng ủy thác/ủy quyền đầu tư**

Công ty cung cấp tiền cho các bên thứ ba để thay mặt Công ty đầu tư vào các chứng khoán theo các điều khoản trong hợp đồng ủy thác/ủy quyền đầu tư. Chứng khoán được mua theo các hợp đồng ủy thác/ủy quyền đầu tư được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo các chính sách kế toán được trình bày trong Thuyết minh 2.6(a), 2.6(b) và 2.6(c).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**2.7 Cam kết mua và bán chứng khoán**

Những chứng khoán được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại ("repo") không phải ghi giảm các khoản đầu tư trên bảng cân đối kế toán tài chính. Khoản tiền nhận được khi bán chứng khoán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản công nợ trên bảng cân đối kế toán. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua lại được ghi nhận như chi phí chờ phân bổ và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng theo phương pháp đường thẳng.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại ("reverse repo") không được ghi tăng các khoản đầu tư trên bảng cân đối kế toán. Số tiền trả cho các thỏa thuận reverse repo được ghi nhận như một tài sản trên bảng cân đối kế toán. Phần chênh lệch giữa giá mua và giá bán lại được ghi nhận như thu nhập chờ phân bổ và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng theo phương pháp đường thẳng.

**2.8 Tài sản cố định**

*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

*Khấu hao*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Chi phí nâng cấp văn phòng	33,33%
Phương tiện vận chuyển	16,67%
Thiết bị văn phòng	33,33%
Phần mềm vi tính	33,33% - 50%

*Thanh lý*

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2.9 Chi phí đi vay**

Các khoản vay dùng để bổ sung vốn lưu động cho Công ty. Chi phí vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**2.10 Ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư*

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư bao gồm phí môi giới chứng khoán, phí bảo lãnh phát hành và phí tư vấn đầu tư chứng khoán dựa trên giá thỏa thuận với nhà đầu tư và được ghi nhận theo phương pháp trích trước.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**2.10 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Doanh thu từ hoạt động tự doanh và góp vốn*

Doanh thu từ hoạt động tự doanh và góp vốn bao gồm thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và cổ tức.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán là khoản chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của chứng khoán bán ra.

Thu nhập cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

*Doanh thu về vốn kinh doanh*

Doanh thu về vốn kinh doanh bao gồm thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng, tiền lãi thu được từ các hợp đồng giao dịch ký quỹ, hoạt động tạm ứng vốn cho nhà đầu tư và doanh thu từ hợp đồng hỗ trợ tài chính. Các khoản doanh thu này được ghi nhận theo phương pháp trích trước.

**2.11 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**2.12 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả ngân hàng mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.13 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

**2.14 Số dư bằng không**

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 95/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán không được thể hiện trong các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**
**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>31.12.2012</b>	<b>31.12.2011</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Tiền mặt	611.331.816	327.885.867
Tiền gửi ngân hàng	358.743.612.599	40.888.832.884
Các khoản tương đương tiền (*)	24.827.094.930	70.400.000.000
	<u>384.182.039.345</u>	<u>111.616.718.751</u>
Trong đó:		
Tiền của Công ty	229.644.736.804	89.740.619.537
Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	154.337.302.541	21.876.099.214
	<u>154.337.302.541</u>	<u>21.876.099.214</u>

(\*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn ban đầu không quá 3 tháng.

**4 GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM**

	<b>Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm</b>	<b>Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VNĐ</b>
a) Của Công ty		
Cổ phiếu	42.693.144	1.990.653.683.942
b) Của nhà đầu tư		
Cổ phiếu	1.272.206.860	22.977.986.265.580
	<u>1.314.900.004</u>	<u>24.968.639.949.522</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Giá trị số sách VNĐ	So với giá trị trường hoặc giá trị ước tính có thể thu hồi	Giá trị trường/ giá trị ước tính có thể thu hồi VNĐ	Dự phòng VNĐ
		Tăng VNĐ	Giảm VNĐ	
<b>(a) Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>1.083.468.111.724</b>	<b>112.254.136.812</b>	<b>(95.586.044.100)</b>	<b>(95.586.044.100)</b>
- Chứng khoán vốn niêm yết (i)	256.307.391.847	11.007.450.740	(61.504.669.795)	(61.504.669.795)
- Chứng khoán vốn chưa niêm yết (ii)	380.199.074.496	100.875.044.272	(12.178.521.265)	(12.178.521.265)
- Cho vay ngắn hạn (iii)	800.000.000	-	-	-
- Hợp đồng giao dịch kỳ quỹ và hỗ trợ giao dịch chứng khoán (iv)	285.818.180.517	-	(21.902.853.040)	(21.902.853.040)
- Tạm ứng giao dịch chứng khoán (v)	80.343.464.864	-	-	-
- Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	20.000.000.000	371.641.800	-	-
- Tiền gửi có kì hạn (vi)	60.000.000.000	-	-	-
<b>(b) Đầu tư dài hạn</b>	<b>500.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	-	-	-	-
+ Chứng khoán vốn chưa niêm yết (vii)	-	-	-	-
- Đầu tư dài hạn khác	-	-	-	-
+ Chứng khoán vốn chưa niêm yết (viii)	-	-	-	-
+ Hợp đồng hỗ trợ tài chính dài hạn (ix)	500.000.000.000	-	-	-
+ Hợp tác đầu tư dài hạn (x)	-	-	-	-
	<b>1.583.468.111.724</b>	<b>112.254.136.812</b>	<b>(95.586.044.100)</b>	<b>(95.586.044.100)</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	Giá trị số sách VNĐ	So với giá trị tăng trưởng hoặc giá trị ước tính có thể thu hồi	Giá trị tăng trưởng/ giá trị ước tính có thể thu hồi VNĐ	Dự phòng VNĐ
	Tăng VNĐ	Giảm VNĐ		
<b>(a) Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>1.198.873.031.011</b>	<b>17.800.121.844</b>	<b>1.077.722.732.345</b>	<b>(138.950.420.510)</b>
- Chứng khoán vốn niêm yết (i)	210.905.872.723	120.616.573	96.867.680.512	(114.158.808.784)
- Chứng khoán vốn chưa niêm yết (ii)	323.451.692.412	17.679.505.271	336.887.593.016	(4.243.604.667)
- Cho vay ngắn hạn (iii)	800.000.000	-	800.000.000	-
- Hợp đồng hỗ trợ tài chính ngắn hạn	72.000.000.000	-	72.000.000.000	-
- Hợp đồng hợp tác đầu tư ngắn hạn	373.000.000.000	-	373.000.000.000	-
- Hợp đồng giao dịch ký quỹ và hỗ trợ giao dịch chứng khoán(iv)	138.521.329.985	-	117.973.322.926	(20.548.007.059)
- Tạm ứng giao dịch chứng khoán (v)	80.194.135.891	-	80.194.135.891	-
<b>(b) Đầu tư dài hạn</b>	<b>606.244.925.000</b>	<b>2.472.266.667</b>	<b>608.717.191.667</b>	-
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	11.604.400.000	2.472.266.667	14.076.666.667	-
- Đầu tư dài hạn khác	69.269.780.000	-	69.269.780.000	-
+ Chứng khoán vốn chưa niêm yết (viii)	500.000.000.000	-	500.000.000.000	-
+ Hợp đồng hỗ trợ tài chính dài hạn (ix)	25.370.745.000	-	25.370.745.000	-
+ Hợp tác đầu tư dài hạn (x)				
	<b>1.805.117.956.011</b>	<b>20.272.388.511</b>	<b>1.686.439.924.012</b>	<b>(138.950.420.510)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(i) Chứng khoán vốn niêm yết

Bao gồm trong chứng khoán vốn niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có khoản chứng khoán trị giá 136.078.773.363 đồng do Công ty hợp tác đầu tư với các bên thứ ba thông qua các hợp đồng ủy thác/ủy quyền đầu tư. (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 78.194.084.960 đồng).

(ii) Chứng khoán vốn chưa niêm yết

Bao gồm trong chứng khoán vốn chưa niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là:

- Các hợp đồng đầu tư chứng khoán trị giá 64.143.373.749 đồng do Công ty hợp tác đầu tư với các bên thứ ba thông qua các hợp đồng ủy thác/ủy quyền đầu tư (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 12.824.601.244 đồng).
- Một số chứng khoán vốn chưa niêm yết với tổng giá trị sổ sách là 56.647.283.600 đồng được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay từ một ngân hàng thương mại trong nước (Thuyết minh số 13(i)).

(iii) Cho vay ngắn hạn

	<b>31.12.2012</b>	<b>31.12.2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Phát triển Bất Động Sản Việt Hưng (Thuyết minh 28 (b))	800.000.000	800.000.000
	800.000.000	800.000.000

Khoản cho vay này không được đảm bảo, không hưởng lãi và có kỳ hạn gốc là 12 tháng. Trong năm, khoản cho vay đối với Công ty Cổ phần Phát triển Bất Động Sản Việt Hưng đã được gia hạn đến ngày 14 tháng 7 năm 2012. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số tiền trên vẫn chưa được thu hồi. (Thuyết minh 28).

(iv) Hợp đồng giao dịch ký quỹ và hỗ trợ giao dịch chứng khoán

Giao dịch ký quỹ và hỗ trợ giao dịch chứng khoán thể hiện khoản tiền cho khách hàng vay để thực hiện các hoạt động giao dịch chứng khoán.

Dự phòng cho các khoản giao dịch ký quỹ và hỗ trợ giao dịch chứng khoán được xác định bằng chênh lệch của giá trị tài sản đảm bảo và giá trị ghi sổ của khoản giao dịch ký quỹ và hỗ trợ giao dịch chứng khoán tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

(v) Tạm ứng giao dịch chứng khoán

Tạm ứng giao dịch chứng khoán thể hiện số tiền ứng tiền cho khách hàng tại ngày giao dịch ("ứng tiền ngày T"). Các khoản tạm ứng này có thời hạn hoàn trả từ 1 ngày đến 60 ngày và Công ty được hưởng lãi suất từ 0,049%/ngày đến 0,061%/ngày (2011: 0,062%/ngày đến 0,067%/ngày).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(vi) Tiền gửi có kỳ hạn

Đây là số tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại một tổ chức tín dụng trong nước. Toàn bộ giá trị của số tiền gửi này được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản thấu chi của Công ty tại tổ chức tín dụng này.

(vii) Chứng khoán sẵn sàng để bán

Trong năm 2012, Công ty không có đầu tư thêm chứng khoán sẵn sàng để bán. Toàn bộ chứng khoán sẵn sàng để bán đã được phân loại thành chứng khoán kinh doanh (chứng khoán vốn chưa niêm yết) do thay đổi trong chiến lược đầu tư của Công ty.

(viii) Đầu tư dài hạn khác – chứng khoán vốn chưa niêm yết

Toàn bộ đầu tư dài hạn khác đã được phân loại thành chứng khoán kinh doanh (chứng khoán vốn chưa niêm yết) do thay đổi trong chiến lược đầu tư của Công ty.

(ix) Hợp đồng hỗ trợ tài chính dài hạn

Trong năm 2011, Công ty ký hợp đồng hỗ trợ tài chính cho một công ty cổ phần thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam với số tiền là 500 tỷ đồng cho mục đích kinh doanh chứng khoán. Đây là hợp đồng hỗ trợ tài chính có tài sản đảm bảo và Công ty được hưởng mức phí cố định tương ứng với 15%/năm trên tổng giá trị hợp đồng. Hợp đồng có hiệu lực trong vòng 3 năm kể từ ngày ký hợp đồng (ngày 29 tháng 6 năm 2011).

(x) Hợp tác đầu tư dài hạn

Khoản hợp tác đầu tư dài hạn này được tắt toán trong tháng 6 năm 2012, Chứng khoán đã được chuyển nhượng toàn bộ cho các nhà đầu tư khác. Về hình thức thanh toán, Công ty đã hỗ trợ tài chính cho các cá nhân này trong thời hạn 1 năm không lãi suất. Bù lại, Công ty phong tỏa số chứng khoán này đến khi khoản hỗ trợ được hoàn trả đầy đủ và hưởng cổ tức từ chứng khoán trong thời gian hỗ trợ.

(xi) Biến động dự phòng các khoản đầu tư tài chính

	Tại ngày 1.1.2012	Hoàn nhập	Tăng thêm	Tại ngày 31.12.2012
Chứng khoán vốn niêm yết	114.158.808.784	(114.158.808.784)	61.504.669.795	61.504.669.795
Chứng khoán vốn chưa niêm yết	4.243.604.667	-	7.934.916.598	12.178.521.265
<b>Cộng</b>	<b>118.402.413.451</b>	<b>(114.158.808.784)</b>	<b>69.439.586.393</b>	<b>73.683.191.060</b>
Hợp đồng giao dịch kỳ quỹ và hỗ trợ giao dịch chứng khoán	20.548.007.059	-	1.354.845.981	21.902.853.040
<b>Tổng cộng</b>	<b>138.950.420.510</b>	<b>(114.158.808.784)</b>	<b>70.794.432.374</b>	<b>95.586.044.100</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**
**6 PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<b>31.12.2012</b>	<b>31.12.2011</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Phải thu từ bán chứng khoán (*)	299.713.195.912	280.418.220.000
Phải thu từ Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Việt Hưng (Thuyết minh số 28)	-	1.430.000.000
Phải thu khác	2.935.384.363	1.637.928.968
	<u>302.648.580.275</u>	<u>283.486.148.968</u>

(\*) Bao gồm trong số phải thu từ bán chứng khoán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có số tiền 198 tỷ đồng phát sinh từ việc bán một số chứng khoán sắp hết thời gian hạn chế chuyển nhượng theo hợp đồng mua bán được ký kết với một khách hàng tổ chức. Số chứng khoán này chưa được Công ty đăng ký lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và giấy chứng nhận cổ phần đã được bàn giao cho bên mua tại ngày 28 tháng 12 năm 2012. Theo các điều khoản thanh toán của hợp đồng mua bán chứng khoán, số tiền trên sẽ được thanh toán vào ngày 25 tháng 3 năm 2013.

Số phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 liên quan đến một hợp đồng đầu tư mua bán cổ phiếu mà Công ty đã thực hiện trong năm 2010. Số tiền này đã được tất toán trong tháng 8 năm 2012 bằng cách cân trừ công nợ với các đối tác. (Thuyết minh 32).

**7 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<b>31.12.2012</b>	<b>31.12.2011</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Phải thu từ nhân viên của bên thứ ba từ hoạt động ủy thác (a)	-	104.025.720.000
Phải thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư dài hạn (Thuyết minh số 28) (b)	17.644.330.000	17.754.267.035
Tiền ứng trước cho các hợp đồng ủy quyền đầu tư (c)	26.926.706.867	35.770.000.000
Phải thu từ bán chứng khoán vốn chưa niêm yết (d)	15.000.000.000	112.904.339.200
Thu nhập dự thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư	-	13.564.166.667
Thu nhập dự thu từ hợp đồng hỗ trợ tài chính dài hạn	30.164.573.820	38.541.666.667
Lãi phải thu từ hợp đồng giao dịch ký quỹ	4.556.053.671	4.333.084.003
Phải thu các Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám Đốc (Thuyết minh 28(b))	-	1.075.000.000
Phải thu cổ tức	3.638.000.000	-
Các khoản phải thu khác	1.735.426.344	2.050.218.422
	<u>99.665.090.702</u>	<u>330.018.461.994</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**7 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)**

- (a) Các số dư trên liên quan đến nguồn vốn ủy thác nhận được và cho vay khách hàng theo chỉ định của một bên thứ ba, đơn vị cung cấp nguồn vốn ủy thác. Xem thuyết minh số 18 đối với các nguồn ủy thác nhận được.

Số dư này đã được tất toán hết trong năm 2012.

- (b) Đây là số tiền mà Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Việt Hưng còn phải góp cho hợp đồng hợp tác đầu tư dài hạn với Công ty (Thuyết minh 5(x)).
- (c) Đây là số tiền mà Công ty chuyển cho các bên thứ ba để thực hiện đầu tư vào chứng khoán chưa niêm yết theo hợp đồng hợp tác đầu tư.
- (d) Khoản phải thu thể hiện số tiền mà Công ty còn phải thu từ việc chuyển nhượng 5% cổ phần trong công ty cổ phần chưa niêm yết.

**8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<b>2012 VND</b>	<b>2011 VND</b>
Số đầu năm	2.471.980.037	3.620.511.599
Tăng trong năm	10.856.639.608	8.391.410.948
Phân bổ trong năm	(12.235.626.802)	(9.539.942.510)
Số cuối năm	<u>1.092.992.843</u>	<u>2.471.980.037</u>

**9 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>31.12.2012 VND</b>	<b>31.12.2011 VND</b>
Tạm ứng cho nhân viên (*)	4.850.352.625	6.609.715.987
Các khoản đặt cọc ngắn hạn	494.060.000	-
	<u>5.344.412.625</u>	<u>6.609.715.987</u>

- (\*) Bao gồm trong số dư năm 2011 là khoản tạm ứng của một thành viên Ban Giám đốc với số tiền là 815.568.201 đồng (Thuyết minh 28).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

**(a) Tài sản cố định hữu hình**

	Chi phí nâng cấp văn phòng VNĐ	Phương tiện vận chuyển VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng cộng VNĐ
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	6.839.145.848	3.330.335.577	13.687.715.023	23.857.196.448
Mua trong năm	-	-	1.162.956.728	1.162.956.728
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản (Thuyết minh 10(c))	-	-	4.270.312.982	4.270.312.982
Thanh lý	(4.709.186.542)	-	(408.290.601)	(5.117.477.143)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	<u>2.129.959.306</u>	<u>3.330.335.577</u>	<u>18.712.694.132</u>	<u>24.172.989.015</u>
<b>Khấu hao lũy kế</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	6.695.709.670	1.720.797.784	10.948.598.563	19.365.106.017
Khấu hao trong năm	135.186.184	543.241.918	2.304.481.036	2.982.909.138
Thanh lý	(4.709.186.540)	-	(401.504.561)	(5.110.691.101)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	<u>2.121.709.314</u>	<u>2.264.039.702</u>	<u>12.851.575.038</u>	<u>17.237.324.054</u>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	<u>143.436.178</u>	<u>1.609.537.793</u>	<u>2.739.116.460</u>	<u>4.492.090.431</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	<u>8.249.992</u>	<u>1.066.295.875</u>	<u>5.861.119.094</u>	<u>6.935.664.961</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 13.223 triệu đồng (2011: 15.942 triệu đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**
**10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)****(b) Tài sản cố định vô hình**
**Phần mềm vi tính  
VNĐ**
**Nguyên giá**

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012

14.669.694.425

Mua trong năm

158.122.390

Kết chuyển từ xây dựng cơ bản (Thuyết minh 10(c))

125.520.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

14.953.336.815
**Khấu hao lũy kế**

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012

11.549.008.642

Khấu hao trong năm

2.911.979.142

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

14.460.987.784
**Giá trị còn lại**

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012

3.120.685.783

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

492.349.031

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 14.118 triệu đồng (2011: 0 đồng).

**(c) Xây dựng cơ bản dở dang****VNĐ**

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012

-

Tăng trong năm

12.482.432.709

 Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình  
(Thuyết minh 10(a))

(4.270.312.982)

 Kết chuyển sang tài sản cố định vô hình  
(Thuyết minh 10(b))

(125.520.000)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

8.086.599.727

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**11 TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

Theo Quyết định 60/2004/QĐ-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2004 và Quyết định 102/QĐ-VSD ngày 14 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài chính, Công ty phải ký quỹ với số tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đóng thêm 0,01% hàng năm dựa theo tổng giá trị chứng khoán đã giao dịch và môi giới trong năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng.

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	2.919.239.269	1.213.106.262
Tiền nộp bổ sung	1.099.963.279	1.706.133.007
Số dư cuối năm	<u>4.019.202.548</u>	<u>2.919.239.269</u>

**12 TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

Tài sản dài hạn khác thể hiện các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn. Trong đó, chủ yếu là các khoản tiền đặt cọc thuê văn phòng, trụ sở làm việc của Công ty.

**13 CÁC KHOẢN VAY**

	<b>31.12.2012</b>	<b>31.12.2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Vay các tổ chức tín dụng trong nước	209.000.000.000	582.426.780.000
Vay cá nhân	90.000.000.000	-
	<u>299.000.000.000</u>	<u>582.426.780.000</u>
<b>Vay dài hạn</b>		
Trái phiếu phát hành	<u>500.000.000.000</u>	<u>500.000.000.000</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT**

Mẫu số B 09 – CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**13 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)**

Tổng hợp tình hình tăng giảm các khoản vay ngắn hạn và dài hạn trong năm 2012 như sau:

	Lãi suất vay	Số dư đầu năm VNĐ	Số vay trong năm VNĐ	Số trả trong năm VNĐ	Số dư cuối năm VNĐ
<b>Vay ngắn hạn</b>					
Vay các tổ chức tín dụng trong nước					
Khoản vay 1 (i)	16.5%-18%	125.426.780.000	185.000.000.000	272.426.780.000	38.000.000.000
Khoản vay 2 (ii)	15%-18,5%	63.000.000.000	798.594.651.642	690.594.651.642	171.000.000.000
Khoản vay 3	17%	21.000.000.000	-	21.000.000.000	-
Trái phiếu phát hành	15%	373.000.000.000	48.000.000.000	421.000.000.000	-
		<u>582.426.780.000</u>	<u>1.031.594.651.642</u>	<u>1.405.021.431.642</u>	<u>209.000.000.000</u>
Vay ngắn hạn cá nhân (iii)	17%	-	160.000.000.000	70.000.000.000	90.000.000.000
		<u>582.426.780.000</u>	<u>1.191.594.651.642</u>	<u>1.475.021.431.642</u>	<u>299.000.000.000</u>
<b>Vay dài hạn</b>					
Trái phiếu phát hành (iv)	11%-15%	500.000.000.000	-	-	500.000.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**13 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)**

- (i) Khoản vay 1 từ một ngân hàng thương mại trong nước với hạn mức tín dụng là 200 tỷ đồng Việt Nam, kỳ hạn 6 tháng và chịu lãi suất từ 16,5% đến 18% một năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng chứng khoán vốn chưa niêm yết với tổng giá trị sổ sách là 56.647.283.600 đồng (Thuyết minh số 5(ii)).
- (ii) Khoản vay 2 từ một ngân hàng trong nước với hạn mức tín dụng là 300 tỷ đồng Việt nam, kỳ hạn từ 3 đến 6 tháng và chịu lãi suất từ 15% đến 18,5% một năm. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản thuộc quyền sở hữu của các bên thứ ba là đối tác của Công ty.
- (iii) Các khoản vay ngắn hạn từ các cá nhân có kỳ hạn từ 5 ngày đến 3 tháng, lãi suất 17% một năm và không có tài sản đảm bảo.
- (iv) Đây là trái phiếu đích danh do Công ty phát hành cho một ngân hàng thương mại trong nước với kỳ hạn 3 năm. Lãi trái phiếu được trả lãi định kỳ vào ngày 30 tháng 6 hàng năm với lãi suất 15%/năm. Nợ gốc trả một lần vào ngày đáo hạn 30 tháng 6 năm 2014.

**14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<b>31.12.2012</b>	<b>31.12.2011</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh 28(b))	5.292.000.000	220.427.138.846
Phải trả các bên thứ ba	91.207.510.634	1.254.678.697
	<u>96.499.510.634</u>	<u>221.681.817.543</u>

**15 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	<b>31.12.2012</b>	<b>31.12.2011</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Tạm ứng tiền bán chứng khoán	25.845.781.376	-
Tạm ứng từ khách hàng cho các hợp đồng môi giới chứng khoán có điều kiện (*)	281.857.671.543	121.749.992.655
	<u>307.703.452.919</u>	<u>121.749.992.655</u>

- (\*) Khoản tạm ứng từ khách hàng thể hiện số tiền ứng trước cho các hợp đồng môi giới chứng khoán có điều kiện trong đó khách hàng chuyển trước cho Công ty để thực hiện đầu tư cho khách hàng. Công ty phải chịu một khoản lãi suất từ 5%/năm đến 18%/năm trên số tiền này cho khách hàng như thỏa thuận trong hợp đồng. (Thuyết minh 25).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>31.12.2012</b> <b>VNĐ</b>	<b>31.12.2011</b> <b>VNĐ</b>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	195.468.602	446.917.328
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	2.897.903.648	3.260.332.256
Thuế thu nhập cá nhân	966.970.356	1.870.474.154
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	30.085.664
Thuế thu nhập cá nhân giao dịch chứng khoán Công ty nộp hộ	1.345.189.064	-
	<u>5.405.531.670</u>	<u>5.607.809.402</u>

**17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<b>31.12.2012</b> <b>VNĐ</b>	<b>31.12.2011</b> <b>VNĐ</b>
Chi phí lãi vay	31.243.166.665	53.974.926.751
Chi phí lãi từ tạm ứng của khách hàng cho hợp đồng môi giới chứng khoán có điều kiện	2.651.501.791	1.372.603.963
Chi phí phải trả cho các Sở Giao Dịch Chứng khoán	1.022.841.695	308.993.138
Chi phí phải trả cho Trung tâm Lưu Ký Chứng khoán	481.705.030	353.802.676
Chi phí phải trả khác	29.700.000	173.547.000
	<u>35.428.915.181</u>	<u>56.183.873.528</u>

**18 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC**

	<b>31.12.2012</b> <b>VNĐ</b>	<b>31.12.2011</b> <b>VNĐ</b>
Nguồn vốn ủy thác từ bên thứ ba (Thuyết minh số 7)	-	113.067.180.000
Phải trả hợp đồng hợp tác đầu tư (a)	-	93.980.844.800
Tạm ứng từ khách hàng tổ chức (b)	76.666.700.140	193.385.906.183
Tạm ứng từ khách hàng cá nhân (c)	-	26.617.038.622
Cổ tức phải trả cho các cổ đông (Thuyết minh số 22)	657.700.000	1.240.970.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.925.825.461	1.177.324.311
	<u>79.250.225.601</u>	<u>429.469.263.916</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**18 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC (tiếp theo)**

- (a) Đây là khoản lợi nhuận mà Công ty phải trả cho bên thứ ba cho các hợp đồng hợp tác đầu tư thực hiện trong năm 2010. Số tiền này đã được tất toán trong tháng 8 năm 2012 bằng cách cân trừ công nợ với các đối tác. (Thuyết minh 32).
- (b) Đây là khoản ứng tiền từ các khách hàng tổ chức trong nước (không chịu lãi) để thực hiện một số giao dịch mua chứng khoán theo hợp đồng ủy quyền giữa hai bên.
- (c) Đây là khoản ứng tiền từ một khách hàng cá nhân trong nước (không chịu lãi) để thực hiện một số giao dịch mua chứng khoán theo hợp đồng ủy quyền giữa hai bên.

**19 PHẢI TRẢ CHO CÁC HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Phải trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	306.080.860.334	8.753.441.691
Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	154.337.302.541	21.876.099.214
	<u>460.418.162.875</u>	<u>30.629.540.905</u>

**20 QUỸ KHEN THƯỜNG PHÚC LỢI**

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Số đầu năm	1.522.248.456	4.611.980.030
Hoàn nhập phần trích dư trong năm 2011	-	(1.985.451.574)
Sử dụng quỹ (*)	(1.500.000.000)	(1.104.280.000)
Số cuối năm	<u>22.248.456</u>	<u>1.522.248.456</u>

- (\*) Năm 2012, Công ty dùng quỹ khen thưởng để phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 20 tháng 4 năm 2012.

**21 VỐN CỔ PHẦN**

Theo giấy phép thành lập và hoạt động và giấy phép điều chỉnh số 122/GPĐC-UBCK ngày 8 tháng 11 năm 2012, vốn điều lệ của Công ty là 398.400.000.000 đồng, tương đương 39.840.000 cổ phiếu phổ thông, mỗi cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng.

Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**21 VỐN CỔ PHẦN (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, số lượng cổ phiếu và tình hình góp vốn điều lệ của Công ty như sau:

	31.12.2012		31.12.2011	
	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ
Số lượng cổ phiếu đăng ký	39.840.000	398.400.000.000	37.800.000	378.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	39.840.000	398.400.000.000	37.800.000	378.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	39.840.000	398.400.000.000	37.800.000	378.000.000.000

**22 CỔ TỨC PHẢI TRẢ CHO CÁC CỔ ĐÔNG**

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Số dư đầu năm	1.240.970.000	1.027.720.000
Cổ tức được công bố trong năm	18.900.000.000	18.900.000.000
Cổ tức đã chi trả bằng cổ phiếu	(18.900.000.000)	-
Cổ tức đã chi trả trong năm	(583.270.000)	(18.686.750.000)
Số dư cuối năm (Thuyết minh số 18)	657.700.000	1.240.970.000

**23 DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN, GÓP VỐN**

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Lợi nhuận từ mua bán chứng khoán kinh doanh	97.735.147.354	56.574.809.287
Thu nhập từ hợp đồng hợp tác đầu tư	23.638.750.000	41.037.500.000
Lợi nhuận từ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	3.102.854.054	87.813.899.200
Thu nhập cổ tức	29.050.096.614	15.429.988.027
	153.526.848.022	200.856.196.514

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**24 DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC**

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Lãi tiền gửi ngân hàng	7.907.698.059	11.204.504.983
Lãi từ các khoản cho vay	-	18.788.992.431
Thu nhập từ hợp đồng hỗ trợ tài chính	95.780.978.374	63.260.466.855
Doanh thu từ giao dịch ký quỹ	40.168.399.163	57.651.747.844
Lãi từ các hợp đồng mua và bán lại chứng khoán	-	534.310.000
Doanh thu khác	1.417.528.412	9.818.039.334
	<u>145.274.604.008</u>	<u>161.258.061.447</u>

**25 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Chi phí nhân viên	32.024.409.435	24.360.244.854
Khấu hao tài sản cố định	4.899.127.356	6.732.848.780
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(43.364.376.410)	109.075.662.980
Lỗ từ hoạt động đầu tư chứng khoán	107.804.741.061	28.090.942.837
Chi phí lãi vay	132.803.177.799	135.442.068.650
Chi phí vốn khác (Thuyết minh 15)	57.777.571.075	74.930.354.359
Phí môi giới và lưu ký chứng khoán	12.875.695.000	4.928.189.682
Phí môi giới khác	10.211.525.971	-
Chi phí thuê văn phòng	2.586.409.831	2.040.339.313
Chi phí đi lại	454.562.348	999.733.145
Hoa hồng môi giới	485.869.308	410.427.767
Chi phí bảo trì, sửa chữa tài sản	4.390.817.202	-
Chi phí khác	3.229.308.658	4.923.215.454
	<u>326.178.838.634</u>	<u>391.934.027.821</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**26 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm</b>	
	<b>2012 VNĐ</b>	<b>2011 VNĐ</b>
Khấu hao tài sản cố định	995.760.924	1.274.987.978
Chi phí nhân viên	11.806.725.371	7.393.542.778
Chi phí vật liệu văn phòng phẩm	84.380.003	349.601.164
Chi phí thuê văn phòng	7.265.106.922	5.690.064.122
Thuế, phí, lệ phí	6.000.000	64.393.055
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.624.218.812	13.638.520.197
Chi phí bằng tiền khác	4.096.013.441	10.940.471.033
	<u>39.878.205.473</u>	<u>39.351.580.327</u>

**27 THUẾ**

	<b>Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm</b>	
	<b>2012 VNĐ</b>	<b>2011 VNĐ</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	16.939.769.066	7.534.973.683
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
Chi phí thuế TNDN	<u>16.939.769.066</u>	<u>7.534.973.683</u>

Khoản thuế trong năm thể hiện thuế thu nhập doanh nghiệp được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế của Công ty và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

	<b>Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm</b>	
	<b>2012 VNĐ</b>	<b>2011 VNĐ</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	63.900.613.683	32.501.527.420
Thuế (theo thuế suất luật định: 25%)	15.975.153.421	8.125.381.855
Điều chỉnh:		
Thuế trên thu nhập không chịu thuế	(4.519.119.674)	(2.313.664.876)
Chi phí không được khấu trừ thuế	5.483.735.319	1.723.256.704
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	<u>16.939.769.066</u>	<u>7.534.973.683</u>

(\*) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty sẽ do cơ quan thuế kiểm tra định kỳ và có thể có những điều chỉnh khi quyết toán.

Cơ quan thuế chưa thực hiện quyết toán thuế cho các năm từ 2007 đến 2012.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**28 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**(a) Giao dịch với các bên liên quan**

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2012 VNĐ	2011 VNĐ
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt</b>		
Mua chứng khoán vốn chưa niêm yết	-	111.000.000.000
Tiền vay trong năm	160.000.000.000	130.000.000.000
Hoàn trả các khoản vay trong năm	(70.000.000.000)	130.000.000.000
Doanh thu từ hoạt động tư vấn	-	4.550.000.000
Chi phí lãi vay	5.507.055.554	19.181.666.666
<b>Công ty Cổ phần Bất Động Sản Bản Việt</b>		
Mua chứng khoán vốn chưa niêm yết	-	93.000.000.000
Cán trừ công nợ trong năm	-	93.000.000.000
Chi phí lãi phải trả cho hoạt động môi giới trái phiếu	-	1.760.000.000
<b>Công ty Cổ phần Phát triển Bất Động Sản Việt Hưng</b>		
Tiền giải ngân cho hợp đồng hợp tác đầu tư	-	25.370.745.000
Tiền nhận được cho hợp đồng hợp tác đầu tư	-	8.456.695.000
Hỗ trợ tài chính trong năm	-	322.000.000.000
Thu hồi các khoản hỗ trợ tài chính trong năm	72.000.000.000	250.000.000.000
Doanh thu từ hoạt động tư vấn	-	1.300.000.000
Thu nhập từ hợp đồng hợp tác đầu tư	-	20.166.666.667
<b>Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bản Việt</b>		
Bán chứng khoán vốn chưa niêm yết	-	6.292.500.000
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc</b>		
Tạm ứng trong năm	25.823.640.810	18.455.649.427
Thu hồi tạm ứng trong năm	25.769.072.270	29.056.354.954
<b>Các khoản chi cho các chức trách quản lý chủ chốt</b>		
Lương và các quyền lợi gộp khác	3.514.448.000	4.172.336.791

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**28 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan**

	Tại ngày	
	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
<b>Đầu tư ngắn hạn (Thuyết minh 5(ii))</b>		
Công ty Cổ phần Phát triển Bất Động Sản Việt Hưng	20.427.700.000	-
<b>Cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 5(iii))</b>		
Công ty Cổ phần Phát triển Bất Động Sản Việt Hưng	800.000.000	800.000.000
<b>Hỗ trợ tài chính ngắn hạn (Thuyết minh 5(iv))</b>		
Công ty Cổ phần Phát triển Bất Động Sản Việt Hưng	-	72.000.000.000
<b>Đầu tư dài hạn khác (Thuyết minh 5(ix))</b>		
Công ty Cổ phần Phát triển Bất Động Sản Việt Hưng	-	20.427.700.000
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Việt Hưng 3A-2	-	5.883.080.000
<b>Hợp tác đầu tư dài hạn (Thuyết minh 5(xi))</b>		
Công ty Cổ phần Phát triển Bất Động Sản Việt Hưng	-	25.370.745.000
<b>Phải thu khách hàng (Thuyết minh 6)</b>		
Công ty Cổ phần Phát triển Bất Động Sản Việt Hưng	-	1.430.000.000
<b>Các khoản phải thu khác (Thuyết minh 7)</b>		
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Bất Động Sản Việt Hưng	- 17.644.330.000	1.075.000.000 17.754.267.035
<b>Tạm ứng (Thuyết minh 9)</b>		
Thành viên Ban Giám đốc	-	815.568.201

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**28 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)**

	Tại ngày	
	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
<b>Phải trả người bán (Thuyết minh 14)</b>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	-	111.000.000.000
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Việt Hưng 3A-2	-	103.757.138.846
Công ty Cổ phần Phát triển Bất Động Sản Việt Hưng (*)	5.292.000.000	5.670.000.000
	<u>5.292.000.000</u>	<u>5.670.000.000</u>

(\*) Đây là khoản ứng trước từ Công ty Cổ phần Phát Triển Bất Động sản Việt Hưng để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của Công ty. Theo nghị quyết Đại Hội đồng thường niên năm 2011 ngày 28 tháng 4 năm 2011, cổ đông sẽ được thực hiện quyền chọn mua sáu (6) tháng một lần và lần thực hiện quyền đầu tiên là sáu (6) tháng sau ngày kết thúc việc phát hành quyền chọn mua cổ phiếu. Tuy nhiên, đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty chưa phát hành quyền chọn mua cổ phiếu phát hành thêm.

**29 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

*Các yếu tố rủi ro tài chính*

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro của thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**(a) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

**(i) Rủi ro lãi suất**

Công ty có rủi ro lãi suất đối với các tài sản và công nợ tài chính mà Công ty được hưởng hoặc phải chịu lãi suất. Hiện tại Công ty ghi nhận các khoản tài sản tài chính và công nợ tài chính theo nguyên tắc giá gốc trừ các dự phòng giảm giá, do vậy, Công ty chỉ có rủi ro về luồng tiền đối với các khoản lãi suất phải thu/phải trả. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản vay của Công ty.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động lãi suất đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn cụ thể bởi các cơ quan quản lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**29 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(a) Rủi ro thị trường (tiếp theo)**

(ii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Rủi ro tiền tệ của Công ty là không trọng yếu vì Công ty chỉ có một số tiền rất ít bằng Đô-la Mỹ tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

(iii) Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

**(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty.

Rủi ro tín dụng đối với từng khách hàng cá nhân được hạn chế bằng cách áp dụng hạn mức tín dụng do Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt. Quá trình thanh toán của khách hàng và mức độ rủi ro tín dụng được Giám đốc Bộ phận Dịch vụ khách hàng theo dõi liên tục và báo cáo cho Tổng Giám đốc.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**29 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(b) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty lập dự phòng cho các khoản hỗ trợ giao dịch chứng khoán có nguy cơ bị tổn thất như sau:

	<b>31.12.2012</b> <b>VNĐ</b>	<b>31.12.2011</b> <b>VNĐ</b>
Tổng giá trị khoản giao dịch kí quỹ và hỗ trợ giao dịch chứng khoán	285.818.180.517	138.521.329.985
Trừ: Dự phòng	(21.902.853.040)	(20.548.007.059)
	<u>263.915.327.477</u>	<u>117.973.322.926</u>

Biến động của số dự phòng như sau:

	<b>2012</b> <b>VNĐ</b>	<b>2011</b> <b>VNĐ</b>
Số đầu năm	20.548.007.059	11.172.029.050
Lập dự phòng giảm giá trong năm	1.354.845.981	9.375.978.009
Số cuối năm	<u>21.902.853.040</u>	<u>20.548.007.059</u>

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**29 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(c) Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)**

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi- phái- sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1đến 2 năm VNĐ	Từ 2 đến 5 năm VNĐ
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>			
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	460.418.162.875	-	-
Vay ngắn hạn, dài hạn	299.000.000.000	500.000.000.000	-
Nợ tài chính khác	522.410.071.315	-	-
	<u>1.281.828.234.190</u>	<u>500.000.000.000</u>	<u>-</u>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011</b>			
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	30.629.540.905	-	-
Vay ngắn hạn, dài hạn	582.426.780.000	-	500.000.000.000
Nợ tài chính khác	829.556.722.642	-	-
	<u>1.442.613.043.547</u>	<u>-</u>	<u>500.000.000.000</u>

Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty không có các khoản nợ liên quan đến công cụ tài chính phái sinh.

**(d) Giá trị hợp lý**

Các tài sản tài chính và công nợ tài chính của Công ty được ghi nhận trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc và các khoản dự phòng giảm giá được ghi nhận khi cần thiết. Các giá trị này có thể khác biệt đối với giá trị hợp lý của các tài sản tài chính hay công nợ tài chính của Công ty.

Hiện tại, Công ty chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý của tất cả các tài sản tài chính và công nợ tài chính của mình. Công ty sẽ thực hiện việc trình bày giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính khi có các hướng dẫn chi tiết của các cơ quan quản lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**30 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Dưới 1 năm	11.348.175.170	2.804.285.471
Từ 1 đến 5 năm	34.924.388.392	5.195.512.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>46.272.563.562</b>	<b>7.999.797.471</b>

**31 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một số chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày các báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

**32 CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TRỌNG YẾU TRONG NĂM**

	VNĐ
Tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 22)	18.900.000.000
Tăng vốn điều lệ từ quỹ phúc lợi (Thuyết minh 20)	1.500.000.000
Hỗ trợ tài chính cho cá nhân mua chứng khoán do Công ty sở hữu (Thuyết minh 5(x))	25.370.745.000
Cán trừ công nợ phải thu với đối tác trong hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán (Thuyết minh 6)	280.418.220.000
Cán trừ công nợ phải trả với đối tác trong hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán (Thuyết minh 18(a))	93.980.844.800

Báo cáo tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt để phát hành ngày 22 tháng 3 năm 2013.



Đoàn Minh Thiện  
Kế toán trưởng



Tô Hải  
Tổng Giám đốc

